

Bản án số: 149/2020/HS-PT

Ngày: 11/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vân;

Ông E Duy Nhiệm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trung Quy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số 59/2020/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Cao Văn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2019/HS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

*** Bị cáo có kháng cáo:** **Cao Văn A**, sinh năm 1966; trú tại: Thôn N, xã CH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Giám đốc Công ty TNHH thuê ren TS; Trình độ văn hóa: Lớp 6/10; đoàn thể, đảng phái: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Cao Xuân B và con bà Lê Thị C (đều đã chết); có vợ là Trần Thị D và có 03 con (lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1992). Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 89/HSPT ngày 19/10/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phú xử phạt Cao Văn A 12 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Lê Thị Thu Đ – Luật sư, Công ty luật TNHH Quốc Minh, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan Xuân T1 và người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện chính sách về khuyến công của Chính phủ, ngày 22/12/2010 Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Vĩnh Phúc có Nghị quyết số 31/2010/NQ-HĐND về chương trình khuyến công tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2011-2015. Ngày 27/01/2011, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Vĩnh Phúc có Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND về việc phê duyệt chương trình khuyến công tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2011-2015. Hàng năm UBND tỉnh có Quyết định cấp dự toán kinh phí cho chương trình khuyến công. Căn cứ dự toán cấp kinh phí cho chương trình khuyến công của UBND tỉnh, hàng năm Trung tâm khuyến công có văn bản về việc đăng ký kế hoạch khuyến công năm kế tiếp gửi đến Phòng công thương các huyện, thành phố, thị xã và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh với nội dung đề nghị rà soát, lập danh sách các đơn vị có nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện các nội dung liên quan đến khuyến công trong năm tiếp theo. Căn cứ vào danh sách do Phòng công thương cấp huyện và UBND cấp xã gửi đến thì lãnh đạo Trung tâm khuyến công giao cho các phòng chuyên môn tiến hành rà soát, kiểm tra thực tế, lập danh sách những đơn vị đủ điều kiện được nhận tiền hỗ trợ kinh phí. Sau đó, Trung tâm khuyến công tổ chức họp gồm các thành phần Giám đốc, Phó Giám đốc và các Trưởng phòng chuyên môn để rà soát, phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị cho phù hợp đúng với nguồn vốn kinh phí hàng năm do UBND tỉnh phê duyệt rồi tiến hành tổng hợp danh sách, xây dựng kế hoạch gửi tới Phòng Quản lý công nghiệp - Sở Công thương để trình Giám đốc Sở Công thương phê duyệt ra Quyết định phân bổ kế hoạch kinh phí khuyến công.

Theo Quyết định phân bổ kế hoạch kinh phí khuyến công năm 2014 và 2015 của Giám đốc Sở Công thương thì Công ty TNHH thuê ren TS (viết tắt là Công ty TS), địa chỉ: Xã CH - VT - Vĩnh Phúc do Cao Văn A, làm Giám đốc được hỗ trợ tổng số tiền 350.000.000đ để mở 07 lớp đào tạo truyền nghề thuê ren, đính cườm xuất khẩu, trong đó mở: 03 lớp (01 lớp vào năm 2014 và 02 lớp vào năm 2015) tại xã HL - TD; 02 lớp vào năm 2015 tại xã DP - TD và 02 lớp vào năm 2015 tại xã VT - YL.

Sau đó, Trung tâm khuyến công đại diện là ông Phạm Xuân E - Phó Giám đốc cùng với Công ty TS đại diện là Cao Văn A - Giám đốc và đại diện UBND các xã (DP, HL và VT) ký Hợp đồng phối hợp và trách nhiệm các bên trong việc

đào tạo, truyền nghề thêu ren, đính cườm xuất khẩu đối với 07 lớp học nêu trên.
Nội dung Hợp đồng quy định:

- Số lượng học viên: 35 người/01 lớp; Người truyền nghề: 02 người/01 lớp;
Thời gian đào tạo 03 tháng/01 lớp/ khóa.

- Trách nhiệm của Trung tâm khuyến công: Chịu trách nhiệm đôn đốc trong việc phối hợp và thực hiện trách nhiệm của các bên. Tham gia xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung đào tạo, truyền nghề. Cử cán bộ theo dõi quá trình tổ chức lớp học, giúp cho lớp học đạt kết quả tốt; Hỗ trợ kinh phí cho Công ty TS để tổ chức lớp đào tạo, truyền nghề thêu ren, đính cườm xuất khẩu gồm các khoản:

- + Chi chiêu sinh, khai giảng, tổng kết bế giảng, kiểm tra tay nghề: 2.000.000đ/01 lớp.

- + Chi trả tiền Ban quản lý lớp học: 2.500.000đ/01 lớp.

- + Chi trả tiền thuê giáo viên dạy nghề: 4.400.000đ/1 tháng/ người x 3 tháng = 13.200.000đ (01 lớp 02 giáo viên là 26.400.000đ).

- + Chi hỗ trợ tiền mua nguyên liệu vật liệu: 19.100.000đ/01 lớp.

Tổng cộng: 50.000.000đ/01 lớp.

- Trách nhiệm của Công ty TS:

- + Chủ động lựa chọn người truyền nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo, cùng với người truyền nghề xây dựng nội dung chương trình kế hoạch đào tạo để thống nhất với Trung tâm khuyến công. Có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý quản lý học viên, đảm bảo thời gian và chất lượng đào tạo, truyền nghề;

- + Đảm bảo truyền dạy cho các học viên nắm chắc các kỹ thuật thêu ren, đính cườm xuất khẩu cơ bản trong 03 tháng học;

- + Tiếp nhận và sử dụng kinh phí hỗ trợ theo đúng nội dung thống nhất tại Hợp đồng. Đảm bảo đầy đủ chứng từ thanh toán theo quy định hiện hành...

- Trách nhiệm của UBND xã: Tổ chức thông báo rộng rãi... phối hợp với Công ty TS tuyển chọn học viên, đảm bảo đúng đối tượng, đủ số lượng; chủ trì việc khai giảng, bế giảng, tổng kết khóa đào tạo; phối hợp Công ty TS thành lập Ban quản lý khóa đào tạo, truyền nghề; phối hợp với Công ty TS xây dựng và tổ chức nội quy lớp học, đôn đốc học viên đảm bảo chương trình học tập và quản lý tốt nguyên liệu và đồ dùng học tập...

Trong hợp đồng còn quy định: Cuối khóa học thực hiện việc kiểm tra tay nghề bắt buộc với tất cả học viên tham gia đào tạo, truyền nghề. Lập biên bản nghiệm thu đánh giá kết quả chung của khóa học; Trong trường hợp việc triển khai thực hiện không đảm bảo yêu cầu của hợp đồng thì Trung tâm khuyến công và TVPTCN sẽ thu hồi lại toàn bộ hay một phần kinh phí trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện đề án.

Sau khi ký hợp đồng, ông Phạm Xuân E là Phó Giám đốc Trung tâm khuyến công giao cho Phan Xuân T1 là Trưởng phòng khuyến công và Nguyễn Thanh T là cán bộ phòng khuyến công thực hiện nhiệm vụ: Tổ chức, phối

hợp, hướng dẫn và giám sát Công ty TS triển khai 07 lớp đào tạo truyền nghề thêu ren đỉnh cườm xuất khẩu nêu trên.

Quá trình triển khai 07 lớp đào tạo truyền nghề thêu ren, đỉnh cườm tại 03 xã nêu trên, lợi dụng việc Phan Xuân T1, Nguyễn Thanh T và Ban quản lý lớp học không kiểm tra, giám sát thường xuyên các lớp đào tạo, truyền nghề, Cao Văn A - Giám đốc Công ty TS đã không thuê giáo viên như nội dung Hợp đồng đã ký kết, cụ thể Công ty TS phải thuê 14 giáo viên có tay nghề, chứng chỉ để dạy, truyền nghề cho các học viên, thời gian thực tế dạy và học đối với mỗi một lớp học là 66 ngày (03 tháng trừ các ngày nghỉ thứ 7 và chủ nhật); Chi phí phải trả cho 14 giáo viên của 07 lớp là: 14 người X 13.200.000đ = 184.800.000đ, tương ứng với số tiền công mỗi một ngày một giáo viên được hỗ trợ là 200.000 đ/01 ngày/01 giáo viên. Tuy nhiên, để chiếm đoạt tiền hỗ trợ, Cao Văn A đã lập không hồ sơ, chứng từ chi phí dạy, truyền nghề của 14 giáo viên đối với 07 lớp học, các tài liệu lập không gồm: Hợp đồng thuê người truyền dạy nghề thêu ren, đỉnh cườm xuất khẩu; thanh lý hợp đồng; Bảng chấm công người truyền nghề; Giấy đề nghị thanh toán, phiếu chi người truyền nghề; Giấy chứng minh nhân dân, chứng chỉ người truyền nghề... để quyết toán kinh phí truyền nghề thêu ren, đỉnh cườm với Trung tâm khuyến công số tiền: 184.800.000đ.

Thực tế việc dạy, truyền nghề cho các học viên do Cao Văn A và vợ là Trần Thị D trực tiếp thực hiện. Cụ thể đó là:

- Tại xã DP: Thời gian dạy, truyền nghề cho học viên với mỗi lớp học là 05 ngày (02 lớp là 10 ngày);

- Tại xã VT: Thời gian dạy, truyền nghề cho học viên đối với 02 lớp học tổ chức cùng thời điểm là 05 ngày;

- Tại xã HL:

- + Thời gian dạy, truyền nghề cho học viên 01 lớp năm 2014 là 05 ngày;

- + Thời gian dạy, truyền nghề cho học viên 02 lớp tổ chức cùng thời điểm năm 2015 là 05 ngày.

Tổng cộng thời gian Cao Văn A và Trần Thị D trực tiếp dạy, truyền nghề cho học viên của 07 lớp học là 25 ngày tương ứng với số tiền công được hỗ trợ là: 25 ngày x 200.000 đ x 2 người = 10.000.000đ.

Ngày 13/9/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc Quyết định trưng cầu giám định số 368 trưng cầu Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài chính kế toán xác định số tiền Cao Văn A - Giám đốc Công ty TS chiếm đoạt tiền ngân sách Nhà nước đối với việc lập không hồ sơ quyết toán tiền chi phí dạy, truyền nghề cho 07 lớp học nêu trên.

Ngày 25/9/2018, Giám định viên về Tài chính - Kế toán Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc có Bản giám định tài chính số 09/GĐTP, kết luận: “Cao Văn A - Giám đốc Công ty TS (cùng vợ là Trần Thị D) chỉ tham gia dạy, truyền nghề cho 07 lớp học với tổng thời gian là 25 ngày nhưng đã lập không hồ sơ quyết

toán chi phí dạy, truyền nghề của 14 giáo viên đối với 07 lớp học, đã chiếm đoạt của Nhà nước số tiền là 174.800.000đ”.

Đối với số tiền 165.200.000đ dùng để chi chiêu sinh, khai giảng, tổng kết bế giảng; Chi trả tiền Ban quản lý lớp học; Chi hỗ trợ tiền mua nguyên vật liệu, quá trình điều tra xác định Công ty TS đã chi đúng, chi đủ như sau:

+ Chi chiêu sinh, khai giảng, tổng kết bế giảng tổng số tiền 14.000.000đ. (Cụ thể: Thuê khánh tiết, loa đài: 6.900.000đ; Mua nước: 6.020.000đ; Mua hoa phục vụ khai giảng, bế giảng: 1.080.000đ).

+ Chi tiền Ban quản lý lớp học: 17.500.000đ;

+ Chi tiền mua nguyên liệu, vật liệu là 133.700.000đ.

Toàn bộ việc lập không hồ sơ quyết toán chi phí dạy, truyền nghề của 14 giáo viên đối với 07 lớp học như nêu trên đều do Cao Văn A thực hiện.

Đối với các bản phô tô chứng minh thư nhân dân, chứng chỉ người dạy truyền nghề một số Cao Văn A lấy ở cửa hàng phô tô trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên (do thời gian đã lâu Cao Văn A không nhớ tên cửa hàng và địa chỉ cụ thể); Số còn lại Cao Văn A xin của cá nhân, đơn vị trong những lần Cao Văn A đi dự triển lãm mặt hàng thêu ren, đính cườm ở các tỉnh ngoài (do thời gian đã lâu Cao Văn A không nhớ ai là người cho A số giấy tờ, tài liệu này). Quá trình lấy lời khai của những người này thể hiện không có việc ký hợp đồng truyền nghề thêu ren đính cườm với Công ty TNHH thêu ren TS cũng như không được nhận khoản tiền nào từ Công ty TNHH thêu ren TS còn tại sao công ty TS có bản phô tô chứng minh nhân dân và chứng chỉ truyền nghề thì họ không biết.

Đối với Nguyễn Thanh T là cán bộ Phòng khuyến công - Trung tâm khuyến công, được Phan Xuân T1 - Trưởng phòng khuyến công giao nhiệm vụ: Kiểm tra, giám sát Công ty TS tổ chức, triển khai 07 lớp đào tạo truyền nghề thêu ren, đính cườm xuất khẩu tổ chức tại xã HL, xã DP, huyện TD và xã VT, huyện YL, tuy nhiên Nguyễn Thanh T đã không làm hết trách nhiệm được giao. Cụ thể là không thường xuyên kiểm tra, giám sát các lớp đào tạo truyền nghề (chỉ cùng với Phan Xuân T1 đi kiểm tra được 03 buổi, trong đó: 02 buổi kiểm tra tại xã VT, 01 buổi kiểm tra tại xã HL) nên không nắm được việc Cao Văn A không thuê giáo viên truyền nghề và chỉ tổ chức một số buổi học nhưng vẫn làm hồ sơ quyết toán không việc thuê giáo viên chiếm đoạt số tiền hỗ trợ là 174.800.000đ. Đối với hành vi không kiểm tra tay nghề học viên và nghiệm đánh giá kết quả khóa học nhưng vẫn lập biên bản kiểm tra tay nghề và biên bản nghiệm thu là do Túng tin tưởng Cao Văn A đã tổ chức các lớp đào tạo truyền nghề theo đúng nội dung hợp đồng chứ không biết việc A lập không chứng từ để chiếm đoạt tiền hỗ trợ đào tạo truyền nghề nên Túng không đồng phạm với A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với Phan Xuân T1 là Trưởng phòng khuyến công - Trung tâm khuyến công giai đoạn từ năm 2014 đến 2016, theo nội dung Thông báo số 10/TB-KC ngày 09/3/2010 của Trung tâm khuyến công thì Trưởng với tư cách là Trưởng

phòng khuyến công có trách nhiệm: Rà soát, tổng hợp, xây dựng kế hoạch và lập các đề án đào tạo truyền nghề; Tổ chức phối hợp, theo dõi, hướng dẫn triển khai các đề án đào tạo nghề, đào tạo nâng cao tay nghề trên địa bàn tỉnh; Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Trung tâm về chất lượng, hiệu quả công việc của Phòng khuyến công. Cụ thể đối với 07 lớp học đào tạo truyền nghề thêu ren, đính cườm xuất khẩu tổ chức tại xã HL, xã DP - TD và xã VT - YL thì Phan Xuân T1 có trách nhiệm: Tổ chức phối hợp, theo dõi, hướng dẫn Công ty TS triển khai 07 lớp học và kiểm tra, đôn đốc Nguyễn Thanh T giám sát, kiểm tra quá trình Công ty TS tổ chức, triển khai 07 lớp học truyền nghề trên.

Tuy nhiên Phan Xuân T1 đã không làm hết trách nhiệm được giao, cụ thể là không thường xuyên trực tiếp kiểm tra đối với các lớp đào tạo truyền nghề (chỉ cùng với Tùng đi kiểm tra được 3 buổi), không đôn đốc, kiểm tra việc Nguyễn Thanh T có thường xuyên đi kiểm tra các lớp đào tạo, truyền nghề không, hơn nữa Trường biết việc Tùng lập biên bản kiểm tra tay nghề tại Trung tâm khuyến công nhưng vì tin tưởng là Tùng đã đi kiểm tra và Cao Văn A đã tổ chức các lớp đào tạo truyền nghề theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết nên Phan Xuân T1 đã ký biên bản kiểm tra tay nghề. Phan Xuân T1 không biết việc A lập khống chứng từ để chiếm đoạt tiền hỗ trợ đào tạo truyền nghề nên Trường không đồng phạm với A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Những người có liên quan:

- Phạm Xuân E là Phó Giám đốc Trung tâm khuyến công từ năm 2008 đến tháng 6/2018: Đối với 07 lớp đào tạo truyền nghề thêu ren, đính cườm tổ chức tại xã HL, DP - TD và xã VT - YL nêu trên, Phạm Xuân E với tư cách là Phó Giám đốc phụ trách Phòng khuyến công đã giao cho Phan Xuân T1 - Trưởng phòng khuyến công và Nguyễn Thanh T - Cán bộ phòng khuyến công trực tiếp theo dõi toàn bộ quá trình tổ chức, triển khai lớp học, Trường và Tùng chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ, hiệu quả công việc. Mặt khác theo quy định về quản lý tài chính thì các biên bản xác nhận kết quả kiểm tra tay nghề học viên, biên bản nghiệm thu cơ sở phải có xác nhận của Lãnh đạo Trung tâm khuyến công nên Phạm Xuân E với tư cách là Phó Giám đốc Trung tâm khuyến công đã ký vào các biên bản trên. Vì vậy ông E không phải chịu trách nhiệm về việc để Cao Văn A – Giám đốc công ty TNHH thêu ren TS không thuê giáo viên truyền nghề, không tổ chức các lớp học đầy đủ nhưng vẫn lập khống chứng từ thuê giáo viên truyền nghề để chiếm đoạt tiền hỗ trợ mà chỉ phải chịu trách nhiệm về mặt hành chính trong việc chỉ đạo phòng khuyến công kiểm tra, giám sát các lớp đào tạo nghề thêu ren, đính cườm, nên hành vi của Phạm Xuân E không cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Bản thân ông E không biết việc Cao Văn A lập khống hồ sơ chứng từ để chiếm đoạt số tiền 174.800.000đ, vì vậy hành vi của Phạm Xuân E không đồng phạm với A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với Ông Nguyễn Đức F là Giám đốc trung tâm khuyến công từ tháng 11/2009 đến tháng 10/2016. Đối với 07 lớp học đào tạo truyền nghề thêu ren, đính cườm nêu trên, Ông Nguyễn Đức F đã giao cho Phạm Xuân E là Phó Giám đốc Trung tâm khuyến công trực tiếp chỉ đạo Phòng khuyến công thực hiện. Ông Nguyễn Đức F ký các Quyết định hỗ trợ kinh phí tổ chức lớp học trên cơ sở hồ sơ đề án đã lập và ký chứng từ quyết toán với tư cách là chủ tài khoản của Trung tâm khuyến công. Ông F không biết việc Cao Văn A lập khống hồ sơ quyết toán chi phí dạy, truyền nghề của 14 giáo viên đối với 07 lớp học để chiếm đoạt tiền ngân sách Nhà nước nên Ông F không đồng phạm với A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và không phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, vì vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với Trần Thị D (vợ Cao Văn A) là người cùng Cao Văn A trực tiếp giảng dạy, truyền nghề thêu ren đính cườm cho các học viên của 07 lớp học đào tạo nghề thêu ren, đính cườm một số buổi. Quá trình điều tra xác định Đỗ không biết việc Cao Văn A lập khống hồ sơ quyết toán chi phí dạy, truyền nghề của 14 giáo viên đối với 07 lớp học để chiếm đoạt tiền ngân sách Nhà nước nên Trần Thị D không đồng phạm với Cao Văn A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với ông Vũ Hồng G - Phó Chủ tịch UBND xã VT; bà Nguyễn Phương H - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã VT, Trần Văn I - Nguyên Phó Chủ tịch UBND xã DP đã chết năm 2016, Bà Ngô Thị K - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã DP, Ông Nguyễn Thanh L - Phó Chủ tịch UBND xã HL, bà Lê Thị M - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã HL đều là thành viên Ban quản lý các lớp học trên địa bàn xã mình nhưng đã thiếu trách nhiệm là không kiểm tra, giám sát việc triển khai 7 lớp đào tạo truyền nghề thêu ren, đính cườm tại xã VT, DP, HL nên không nắm được việc Cao Văn A không thuê giáo viên truyền nghề và chỉ tổ chức học một số buổi nhưng vẫn ký vào bảng chấm công học viên, bảng chấm công người truyền nghề, biên bản xác nhận kết quả kiểm tra tay nghề đã được hợp thức, dẫn đến việc Cao Văn A chiếm đoạt tổng số tiền hỗ trợ truyền nghề là 174.800.000đ. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định những người này không biết Cao Văn A lập khống hồ sơ, tài liệu để chiếm đoạt tiền hỗ trợ nên không đồng phạm với A về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với hành vi thiếu trách nhiệm của ông Vũ Hồng G và bà Nguyễn Phương H dẫn đến Cao Văn A lập khống chứng từ chiếm đoạt số tiền 50.800.000đ; Đối với hành vi thiếu trách nhiệm của ông Trần Văn I và Bà Ngô Thị K dẫn đến Cao Văn A lập khống chứng từ chiếm đoạt số tiền 48.800.000đ; Đối với hành vi thiếu trách nhiệm của Ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị M dẫn đến Cao Văn A lập khống chứng từ chiếm đoạt 75.200.000đ. Do số tiền A chiếm đoạt dưới 100.000.000đ nên hành vi của ông G, bà H, ông I, bà K, ông L, bà M không cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

Về thu giữ vật chứng: Quá trình điều tra, bị cáo Cao Văn A đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Nhà nước là 174.800.000đ cho Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc để khắc phục hậu quả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2019/HS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Cao Văn A 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thanh T 01 năm 03 tháng tù, Phan Xuân T1 01 năm tù đều cho hưởng án treo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2019, bị cáo Cao Văn A kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Cao Văn A giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và quyết định mức hình phạt 02 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương của Giám đốc Công ty TNHH thương mại NL; đơn xin cho được cải tạo tại địa phương của bà Trần Thị D (là vợ bị cáo); ngoài ra bị cáo còn có thành tích trong đấu tranh phòng chống tội phạm được Công an huyện VT xác nhận là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Cao Văn A, Luật sư Lê Thị Thu H1 nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do

đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp. Đơn kháng cáo của bị cáo Cao Văn A gửi trong thời hạn luật định, được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Cao Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo Nguyễn Thanh T và Phan Xuân T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn... và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định: Xuất phát từ mục đích tư lợi, trong quá trình triển khai 7 lớp đào tạo truyền nghề thêu ren đính cườm xuất khẩu tại xã HL, DP thuộc huyện TD và xã VT thuộc huyện YL theo chương trình khuyến công giai đoạn năm 2014 đến năm 2015, Cao Văn A là giám đốc Công ty TNHH thêu ren TS là đơn vị hợp đồng với Trung tâm khuyến công tỉnh Vĩnh Phúc đào tạo học viên truyền nghề thêu ren, đính cườm xuất khẩu. Lợi dụng việc không kiểm tra, giám sát thường xuyên của Phan Xuân T1, Nguyễn Thanh T thuộc phòng khuyến công - Trung tâm khuyến công tỉnh Vĩnh Phúc đã gian dối lập khống chứng từ thuê giáo viên truyền nghề thêu ren đính cườm đề nghị Trung tâm khuyến công tỉnh Vĩnh Phúc thanh quyết toán để chiếm đoạt số tiền 174.800.000đ. Hành vi nêu trên của Cao Văn A đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo, thấy:

Trong vụ án này có thể xác định trách nhiệm chính thuộc về Trung tâm khuyến công và cụ thể là các bị cáo Phan Xuân T1 - Trưởng phòng khuyến công và Nguyễn Thanh T - cán bộ phòng khuyến công với nhiệm vụ: Tổ chức, phối hợp, hướng dẫn và giám sát Công ty TS triển khai 07 lớp đào tạo truyền nghề thêu ren đính cườm xuất khẩu nêu trên. Quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công đã không làm hết trách nhiệm được giao. Cụ thể là không kiểm tra, giám sát các lớp đào tạo, truyền nghề nên không nắm được hoạt động của Công ty TNHH thêu ren TS về việc tổ chức đào tạo các lớp truyền nghề thêu ren đính cườm tại các xã HL, DP và xã VT; không kiểm tra tay nghề của học viên và nghiệm thu đánh giá kết quả khóa học. Bởi, trong trường hợp việc triển khai thực hiện của Công ty TNHH thêu ren TS không đảm bảo theo yêu cầu hợp đồng thì có quyền thu hồi toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tạo điều kiện cho Cao Văn A thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Cao Văn A phạm tội độc lập, trực tiếp thực hiện hành vi gian dối lập khống chứng từ, thuê giáo viên truyền nghề thêu ren đính cườm đề nghị Trung tâm khuyến công tỉnh Vĩnh Phúc thanh quyết toán để chiếm đoạt số tiền 174.800.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Cao Văn A đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp lại toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; ngoài ra, quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo đã có thành tích trong đấu tranh phòng chống tội

phạm. Cụ thể đã cung cấp nguồn tin về thời gian, địa điểm của ổ nhóm cờ bạc tại xã Đại Đồng giúp cơ quan điều tra Công an huyện VT xây dựng kế hoạch và triển khai lực lượng triệt xóa thành công bắt quả tang 07 đối tượng đang đánh bạc sát phạt nhau, thu giữ nhiều vật chứng có liên quan. Ngày 20/10/2019, cơ quan điều tra Công an huyện VT đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với 07 đối tượng đánh bạc là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi quyết định hình phạt. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình đơn xin được cải tạo tại địa phương và cam kết quản lý giáo dục của Công ty TNHH thương mại nông sản NL nơi bị cáo đang làm việc; đơn đề nghị được giảm hình phạt và cải tạo tại địa phương của vợ bị cáo là bà Trần Thị D thể hiện quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo và gia đình thực hiện tốt nội quy của thôn xóm, là gia đình văn hóa, vợ bị cáo thường xuyên đau ốm kinh tế hoàn toàn phụ thuộc vào bị cáo có xác nhận của chính quyền địa phương; Huy chương kháng chiến hạng nhì của ông Cao Xuân Tiến là bố đẻ bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo Cao Văn A được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; tích cực bồi thường khắc phục hậu quả giao nộp toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 174.800.000đ ngay sau khi vụ án bị phát hiện; có nơi cư trú ổn định. Mức hình phạt 02 năm tù Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nhưng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là không cần thiết. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Cao Văn A. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 56/2019/HS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

1. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn A 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Giao bị cáo Cao Văn A cho UBND xã CH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm

Nguyễn Ngọc Vân

Vũ Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ 1);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà